

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐST

Ngày: 20/9/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

2. Bà Phan Thị Thanh Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Lan Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1997, địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh L.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện N, tỉnh Q.

Bà M có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Bà M và ông C tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND X vào năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M là do ông C không lo làm ăn, bỏ bê vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà M làm đơn yêu cầu ly hôn ông C.

Về con chung có một cháu tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 10/8/2017. Nếu ly hôn bà M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi

con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn C không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ là vi phạm pháp luật tố tụng dân sự; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị Diễm M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hải B cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chung bà M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Nguyễn Thị Diễm M có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Bà M là nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận. Ông C là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Diễm M và ông Nguyễn Tấn C tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành vào năm 2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M do ông C không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng ông C không đến tòa, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Điều này thể hiện ông C không có thiện chí hòa giải để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và

ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Diễm M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] **Về con chung:** Có một con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh năm: 2017. Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ. Cháu B hiện đang sống với bà M, cháu là nữ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu B, xét giao Nguyễn Thị Hải B cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] **Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung:** Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[7] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm M về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 10/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Diễm M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Tấn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tấn C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000097 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy